



bái jīn

白金

noun · platinum

Example Sentences

Tā dài le yī tiáo bái jīn xiàng liàn
她戴了一条白金项链。

She wore a platinum necklace.

Bái jīn bǐ huáng jīn gèng xī yǒu
白金比黄金更稀有。

Platinum is rarer than gold.

Trace each character, then write the word on your own.

白	白	白	白	白	白	白	白				
金	金	金	金	金	金	金	金	金	金	金	金